

Bản án số: 01/2018/ KDTM-PT

Ngày: 28/12/2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Liêm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Điền

Ông Nguyễn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Nguyễn Thế Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 06/2016/TLPT - KDTM ngày 26 tháng 10 năm 2016 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2016/KDTM-ST ngày 22/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06E/2018/QĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; địa chỉ trụ sở: Số 77, đường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T1 - Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền số 77/UQ-TGD ngày 31/3/2017); địa chỉ: Số 205 -207 đường N, thành phố Đà Nẵng. Ông T1 có mặt.

- Bị đơn: 1. Ông Vũ Ngọc V, sinh năm 1957;

2. Bà Trịnh Thị H1, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: Số nhà 40/9 đường T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Điều có mặt.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. **Công ty cổ phần HP**; địa chỉ trụ sở: Tổ 11, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Vũ Thị Thu H1** - Giám đốc Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Thành Đ**, sinh năm 1981. Địa chỉ: 93 đường Y, quận H2, thành phố Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền ngày 06/3/2015). Có mặt.

2. Bà **Vũ Thị Hồng D**.

3. Bà **Vũ Ngọc Minh P**.

4. Bà **Vũ Thị Hồng Q**.

Cùng địa chỉ: Tổ 14, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Điều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của các bà Vũ Thị Hồng D, Vũ Ngọc Minh P, Vũ Thị Hồng Q: Bà **Trịnh Thị H1** (theo giấy ủy quyền ngày 06, 07, 04/5/2015). Bà H1 có mặt.

5. **UBND phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Việt A** – Chủ tịch UBND phường L. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đại diện nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S trình bày:*

Ngày 02/5/2008, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S, Chi nhánh Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Ngân hàng S) với ông Vũ Ngọc V, bà Trịnh Thị H1 ký hợp đồng tín dụng số 234/08/S*ĐN/HĐTD, Ngân hàng S cho vợ chồng ông Vũ Ngọc V và bà Trịnh Thị H1 vay số tiền 3.000.000.000 đồng để góp vốn kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 1,8%/tháng.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, ngày 09/5/2008, vợ chồng ông bà đã ký hợp đồng thế chấp, bảo lãnh sau:

- Hợp đồng thế chấp số 170/08/TC-S*ĐN ngày 09/5/2008, thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 253, tờ bản đồ số 06, tại phường L,

thị xã Q, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi); theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 956453, do UBND thị xã Q cấp ngày 29/6/2004, thuộc sở hữu của hộ ông (bà) Trịnh Thị H1. Hợp đồng thế chấp được UBND phường L chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Q.

- Ông V được Công ty cổ phần HP (sau đây gọi tắt là Công ty HP) bảo lãnh trả nợ thay bằng cam kết bảo lãnh đề ngày 26/4/2008, sau khi ông V rút vốn vay thì Công ty HP có trả lãi thay cho ông V được 04 tháng (tháng 5, 6, 7, 8/2008) với số tiền là 203.700.000 đồng và sau đó thì Công ty HP không trả nữa.

- Ngày 25/8/2015, NGÂN HÀNG S khởi kiện bổ sung yêu cầu đưa Ủy ban nhân dân phường L vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/9/2015, Ngân hàng S yêu cầu Ủy ban nhân dân phường L phải chịu trách nhiệm bồi thường vật chất cho Ngân hàng với số tiền 3.000.000.000 đồng theo đúng quy định pháp luật về công chứng, chứng thực.

Ngày 18/9/2015 Ngân hàng tiếp tục nộp đơn khởi kiện bổ sung và yêu cầu Tòa án:

1. Buộc vợ chồng ông Vũ Ngọc V và bà Trịnh Thị H1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 234/08/S*ĐN/HĐTĐ ngày 02/5/2008 tổng cộng là 4.273.950.000 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 3.000.000.000 đồng và nợ lãi là 1.273.950.000 đồng (lãi tính đến ngày 20/3/2010). Ông Vũ Ngọc V và bà Trịnh Thị H1 tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng S.

2. Trong trường hợp ông Vũ Ngọc V và bà Trịnh Thị H1 không thanh toán các khoản tiền nợ gốc và lãi nêu trên thì Ngân hàng S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 253, tờ bản đồ số 06, phường L, thành phố Q theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D956453 cấp ngày 29/6/2004 đứng tên hộ bà Trịnh Thị H1 để trả nợ cho Ngân hàng.

3. Trong trường hợp Ngân hàng S không phát mại được tài sản thế chấp để thu hồi nợ do Hợp đồng thế chấp số 170/08/TC.S*ĐN ngày 09/5/2008 bị tuyên vô hiệu bởi chữ ký của bà Trịnh Thị H1 là chữ ký giả thì kính đề nghị quý Tòa xác định lỗi của các bên liên quan và giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu đối với các bên liên quan theo quy định tại điều 137, 410 Bộ luật

Dân sự 2005, Điều 22 Nghị định số 79/NĐ-CP ngày 18/5/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký.

Tại phiên tòa ngày 22/9/2016 Ngân hàng yêu cầu ông Vũ Ngọc V và bà Trịnh Thị H1 phải trả cho ngân hàng 3.000.000.000 đồng nợ gốc và 6.407.250.000 đồng tiền lãi.

** Bị đơn ông Vũ Ngọc V trình bày:*

Ông có quen biết với bà Vũ Thị Thu H1 là cán bộ của đơn vị kinh tế thuộc Trung ương Đoàn có chi nhánh tại Miền Trung, đóng tại thành phố Đà Nẵng. Đầu năm 2008, bà H1 có hỏi mượn 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục vay vốn tạm thời 01 tháng. Ngày 09/5/2008, bà H1 làm các thủ tục vay vốn và mang toàn bộ hồ sơ vay vốn vào nhà cho ông ký và nhờ ông đi công chứng, chứng thực tại UBND phường L, thành phố Q.

Cũng trong ngày, ông đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H1 mượn, đến khoảng cuối giờ chiều ngày 09/5/2008, bà H1 mang toàn bộ hồ sơ vay vốn và bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông ra Đà Nẵng. Bà H1 nói khi nào xong thủ tục vay, bà sẽ gọi điện cho ông ra Ngân hàng S để xác nhận sự việc, đồng thời hứa sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông trong thời gian một tháng. Nhưng tối ngày 09/5/2008, Ngân hàng S đã lập không các thủ tục ghi nợ cho ông vay 3.000.000.000 đồng.

Mặt khác, ông không có đất ở đường H4 nhưng khi thẩm định giá tài sản thế chấp, Ngân hàng S định giá đất và nhà của ông hơn 7.000.0000.000 đồng trong khi quyền sử dụng đất tại thời điểm này chỉ khoảng vài trăm triệu đồng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ bà Trịnh Thị H1, vợ chồng ông bà không có mặt tại Ngân hàng S nhưng Ngân hàng vẫn làm thủ tục cho vay.

Ông không giao dịch, không vay tiền và không nhận bất cứ một khoản nào từ Công ty cổ phần HP, cũng không góp vốn kinh doanh vào Công ty cổ phần HP. Trong hồ sơ vay vốn Ngân hàng S lập cho ông có ghi rõ là Công ty cổ phần HP bảo lãnh; Ngân hàng S cũng thừa nhận việc bảo lãnh có giá trị pháp lý và căn cứ cam kết bảo lãnh này, Ngân hàng S đã tiến hành thu lãi được 04 tháng. Do đó, ông yêu cầu Công ty cổ phần HP phải trả tiền vay.

** Bị đơn bà Trịnh Thị H1 trình bày:*

Bà không vay vốn tại Ngân hàng S, không ký bất kỳ giấy tờ gì về việc vay vốn. Số tiền vay 3.000.000.000 đồng bà không biết, không sử dụng chi tiêu cho gia đình. Chồng bà ông Vũ Ngọc V không có kinh doanh, không góp vốn kinh doanh với ai. Việc ông V vay để làm gì bà không biết. Bà không đồng ý với nội dung của hợp đồng thế chấp. Bà không có trách nhiệm trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng; yêu cầu buộc bà Vũ Thị Thu H1, đại diện theo pháp

luật của Công ty cổ phần HP trả nợ cho Ngân hàng S và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần HP do bà Vũ Thị Thu H1, giám đốc công ty trình bày:*

Vào năm 2008, nhằm tạo điều kiện cho ông Vũ Ngọc V vay vốn, Công ty cổ phần HP làm một văn bản bảo lãnh và văn bản bảo lãnh này chỉ mang tính hoàn tất hồ sơ vay cho ông V, không mang tính pháp lý. Trong quá trình làm hồ sơ vay cho ông V tại Ngân hàng S, vì bản thân có quen biết với ông V nên Ngân hàng nhờ bà mang vào cho ông V một túi hồ sơ. Sau khi giao xong túi hồ sơ, bà không nhận lại bất cứ hồ sơ nào cũng như các giấy tờ khác từ ông V. Mọi việc vợ chồng ông V, bà H1 tự giao dịch và vay vốn với Ngân hàng. Theo giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty cổ phần HP, ông Vũ Ngọc V không phải là cổ đông của Công ty. Do ông V có nhu cầu vay vốn nhưng không có phương án kinh doanh nên nhờ Công ty HP giúp với hình thức góp vốn kinh doanh. Nay Ngân hàng S khởi kiện ông Vũ Ngọc V, bà Trịnh Thị H1 yêu cầu trả tiền vay không liên quan đến Công ty cổ phần HP, Công ty không có trách nhiệm đối với khoản vay của ông V, bà H1.

** Người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần HP - ông Nguyễn Thành Đạt trình bày:*

Ông Vũ Ngọc V vay vốn tại Ngân hàng S để góp vốn kinh doanh đối với dự án: Nhà máy chế biến lâm sản - nguyên liệu giấy tại cụm làng nghề Tịnh Ấn Tây, Quảng Ngãi với số vốn góp kinh doanh là 4.000.000.000 đồng. Vào ngày 26/4/2008 Công ty HP có cam kết bảo lãnh cho các khoản vay của ông V để hoàn thiện hồ sơ vay cũng như làm rõ thêm mục đích góp vốn kinh doanh vào Công ty HP. Tuy nhiên, sau đó bà Hương đã đến Ngân hàng S yêu cầu hủy bỏ việc bảo lãnh cho khoản vay của ông V vì khoản vay này ông V đã có tài sản đảm bảo nên bà H1 không bảo lãnh nữa. Nhưng cán bộ tín dụng của Ngân hàng S là ông Trần Tiến Lợi không tiếp nhận, ông Lợi giải thích cho bà H1 là cam kết này chỉ thay thế cho phương án kinh doanh thôi chứ không liên quan gì đến việc bảo đảm cho khoản vay của ông V, số vốn ông V góp vào với mục đích kinh doanh đầu tư dự án là 4 tỷ đồng, ông V có chuyên tiền vào tài khoản của Công ty, việc ông V vay số tiền này ở đâu ông không biết. Đồng thời Công ty có lập giấy bảo lãnh cho ông V. Việc bảo lãnh chỉ có giá trị giữa Công ty cổ phần HP và ông Vũ Ngọc V. Trong thời gian đầu, Công ty có trả lãi thay cho ông V, việc trả lãi thay cho ông V là do Ngân hàng S trích từ tài khoản của Công ty tại Ngân hàng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Hồng D, Vũ Ngọc*

Minh P trình bày:

Khi ba chúng tôi là ông Vũ Ngọc V thế chấp quyền sử dụng đất bản thân chúng tôi không biết và ông cũng không nói lại với các con. Thừa đất ba chúng tôi thế chấp cho Ngân hàng TMCP S là của hộ gia đình trong đó có quyền lợi của chúng tôi, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của hộ gia đình chúng tôi không đồng ý.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Hồng Q được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tòa làm việc nên không có lời khai.*

** Đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Q trình bày:*

Thời điểm chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo nợ vay số 170/08/T.S*ĐN ngày 09/5/2008 do ông Vũ Ngọc V là người trực tiếp đến UBND phường yêu cầu chứng thực vào hợp đồng, đồng chí Phùng Kim A1 - Công chức Tư pháp hộ tịch đã tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra và xác nhận vào hợp đồng theo thẩm quyền trình lãnh đạo UBND phường ký đóng dấu theo quy định.

Vào thời điểm nói trên ông Vũ Ngọc V công tác tại Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, giữ chức vụ Phó Viện trưởng, là người phụ trách công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Hơn nữa, vợ chồng ông V là đảng viên sinh hoạt tại địa phương, gia đình sinh hoạt chuẩn mực có uy tín trong khu dân cư nên đồng chí phụ trách công tác Tư pháp - Hộ tịch đã tin tưởng ông thay mặt vợ là bà Trịnh Thị H1 đến yêu cầu chứng thực vào hợp đồng thế chấp nói trên. Tại buổi làm việc trực tiếp vào ngày 28/11/2011 và tại các văn bản giải trình ông V hoàn toàn thừa nhận việc ông thay mặt thành viên gia đình trực tiếp đến UBND phường L yêu cầu chứng thực hợp đồng thế chấp và chịu trách nhiệm về việc làm của mình, bà Trịnh Thị H1 cũng thống nhất việc làm của ông V, ông V và bà H1 không có ý kiến truy cứu, khiếu nại gì.

Liên quan đến việc thực hiện chứng thực hợp đồng theo quy định Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/05/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, Ủy ban nhân dân phường L đã nhiều lần tổ chức họp kiểm điểm trách nhiệm đối với từng cá nhân và đã có báo cáo gửi Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố để theo dõi, chỉ đạo. Quá trình dẫn đến thiếu sót nói trên vì cán bộ, công chức tin tưởng vào uy tín của cá nhân ông Vũ Ngọc V hoàn toàn không có yếu tố tư lợi cá nhân.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2016/KDTM-ST ngày 22/9/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 5, điểm g khoản 4 Điều 189 và điểm d khoản 1 Điều 192, các Điều 30, Điều 37, Điều 147, khoản 2 Điều 201, Điều 227 Bộ luật

tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 122, Điều 124, Điều 127, Điều 128, Điều 137, Điều 342, Điều 343, Điều 361, Điều 362, Điều 410, Điều 471, Điều 474, Điều 604, Điều 608, Điều 619, Điều 715, Điều 716 Bộ luật Dân sự 2005, Điều 91 Luật các tổ chức Tín dụng; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố Hợp đồng tín dụng số 234/08/S*ĐN/HĐTD ngày 02/5/2008 và Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm nợ vay số 170/08/TC-S*ĐN ngày 09/5/2008 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với ông Vũ Ngọc V và bà Trịnh Thị H1 vô hiệu.

2. Hủy đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 09/5/2008 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Q đối với thửa đất số 253, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Ngân hàng phải hoàn trả lại cho vợ chồng ông Vũ Ngọc V và bà Trịnh Thị H1 Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 253, tờ bản đồ số 6, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi có số phát hành Đ956453, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01027 ngày 29/6/2004 của Ủy ban nhân dân thị xã Q.

3. Buộc ông Vũ Ngọc V phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc là 3.000.000.000 đồng và tiền bồi thường thiệt hại là 3.203.625.000 đồng, tổng cộng là 6.203.625.000 đồng (sáu tỷ, hai trăm lẻ ba triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Ông V phải tiếp tục trả tiền lãi đối với số tiền gốc 3.000.000.000 đồng kể từ ngày 23/9/2016 theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 234/08/S*ĐN/HĐTD ngày 02/5/2008.

4. Ngân hàng thương mại cổ phần S phải tự chịu trách nhiệm đối với phần lỗi của mình làm cho hợp đồng tín dụng số 234/08/S*ĐN/HĐTD ngày 02/5/2008 vô hiệu là 3.203.625.000 đồng (ba tỷ, hai trăm lẻ ba triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

5. Trong trường hợp ông V không thi hành án thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự kê biên, phát mãi phần tài sản của ông V trong khối tài sản chung của ông V với bà H1 (hoặc với người khác - nếu có). Trường hợp sau khi phát mãi phần tài sản của ông V không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Công ty cổ phần HP phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thay cho ông V theo cam kết bảo lãnh ngày 26/4/2008 với số tiền 3.360.000.000 đồng. Trường hợp ông V đã trả đủ hay Ngân hàng thu đủ của ông V 3.000.000.000 đồng nợ gốc, thì Công ty cổ phần HP chỉ phải thực hiện 360.000.000 đồng nghĩa vụ bảo lãnh đối với nợ lãi. Nếu sau khi trừ đi số tiền mà Công ty cổ phần HP thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, thì ông V phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S cho đến

khi hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ.

6. Chưa buộc Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Q bồi thường thiệt hại cho Ngân hàng TMCP S trong vụ án này.

7. Không xem xét yêu cầu của Công ty cổ phần HP tại đơn yêu cầu đề ngày 19/9/2016 đối với số tiền 203.700.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí giám định, án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và công bố quyền kháng cáo.

Ngày 05 tháng 10 năm 2016, nguyên đơn – Ngân hàng TMCP S có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận hiệu lực của Hợp đồng tín dụng số 234/08/S*ĐN/HĐTĐ ngày 02 tháng 5 năm 2008 và Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm nợ vay số 170/08/TC-S*ĐN ngày 09 tháng 5 năm 2008 giữa Ngân hàng TMCP S với ông Vũ Ngọc V và bà Trịnh Thị H1, buộc ông V phải trả cho Ngân hàng TMCP S nợ gốc 3.000.000.000 đồng và tiền lãi, bác nội dung bản án sơ thẩm tuyên Công ty cổ phần HP thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh nằm ngoài phạm vi khởi kiện của Ngân hàng, xác định lỗi của ông V và UBND phường L trong trường hợp Hợp đồng vô hiệu để bồi thường cho Ngân hàng.

Ngày 05 tháng 10 năm 2016, bị đơn ông Vũ Ngọc V kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc Công ty cổ phần HP phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP S theo cam kết bảo lãnh. Tiền phạt do hợp đồng tín dụng vô hiệu thì nguyên đơn phải chịu.

Ngày 06 tháng 10 năm 2016, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty cổ phần HP kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc Ngân hàng thương mại cổ phần S phải trả lại 203.700.000 đồng cho Công ty cổ phần HP và bác phần quyết định của bản án sơ thẩm đối với nghĩa vụ bảo lãnh của Công ty cổ phần HP.

Ngày 04 tháng 10 năm 2016, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có kháng nghị phúc thẩm số 899/KNPT-KDTM với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm về phần trả nợ, không tính lãi phát sinh, buộc Công ty cổ phần HP có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc 3.000.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S, bị đơn ông Vũ Ngọc V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần

HP đều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giữ nguyên kháng nghị số 899/KNPT-KDTM ngày 04 tháng 10 năm 2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Nguyễn Minh T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận hiệu lực của Hợp đồng tín dụng số 234/08/S*ĐN/HĐTD ngày 02 tháng 5 năm 2008 và Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm nợ vay số 170/08/TC-S*ĐN ngày 09 tháng 5 năm 2008 giữa Ngân hàng TMCP S với ông Vũ Ngọc V và bà Trịnh Thị H1, buộc ông V phải trả cho Ngân hàng TMCP S nợ gốc 3.000.000.000 đồng và tiền lãi, bác nội dung bản án sơ thẩm tuyên Công ty cổ phần HP thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh nằm ngoài phạm vi khởi kiện của Ngân hàng, xác định lỗi của ông V và UBND phường L trong trường hợp Hợp đồng vô hiệu để bồi thường cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Vũ Ngọc V yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc Công ty cổ phần HP phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP S theo cam kết bảo lãnh. Tiền phạt do hợp đồng tín dụng vô hiệu thì nguyên đơn phải chịu.

Ông Nguyễn Thành Đá là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty cổ phần HP yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc Ngân hàng thương mại cổ phần S phải trả lại 203.700.000 đồng cho Công ty cổ phần HP và bác phần quyết định của bản án sơ thẩm đối với nghĩa vụ bảo lãnh của Công ty cổ phần HP.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng: Về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S, của bị đơn ông Vũ Ngọc V và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần HP, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2016/KDTM-ST ngày 22/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hợp đồng tín dụng số 234/08/S*ĐN/HĐTP ngày 02 tháng 5 năm 2008 giữa Ngân hàng TMCP S với vợ chồng ông Vũ Ngọc V và bà Trịnh Thị H1 thì thấy: Ông V thừa nhận chữ ký trong hợp đồng tín dụng là do ông ký, phù hợp với kết luận giám định số 730/PC54 ngày 14 tháng 9 năm 2011 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi. Còn chữ ký của bà Trịnh Thị H1 thì ông V thừa nhận do ông V ký là phù hợp với kết luận giám định số 482/PC54 ngày 08 tháng 7 năm 2011 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi, chữ ký của bà H1 không phải do bà H1 ký ra. Do đó, bản án sơ thẩm xác định hợp đồng tín dụng nói trên vô hiệu là có cơ sở.

Tại khế ước nhận nợ số 234/08-01 ngày 09 tháng 5 năm 2008 ông V đã nhận nợ số tiền 3.000.000.000 đồng, cùng ngày 09 tháng 5 năm 2008 ông V ký ủy nhiệm chi nên Ngân hàng thương mại cổ phần S chuyển số tiền 3.000.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty cổ phần HP do bà Vũ Thị Thu H1 là Giám đốc. Ngân hàng thương mại cổ phần S chỉ khởi kiện yêu cầu ông Vũ Ngọc V phải chịu trách nhiệm trả tiền gốc và tiền lãi cho ngân hàng. Vì vậy, bản án sơ thẩm xử buộc ông Vũ Ngọc V phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền gốc 3.000.000.000 đồng là có căn cứ.

[2] Xét hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm nợ vay số 170/08/TC.S*ĐN ngày 09 tháng 5 năm 2008 thì thấy: Để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên, ông Vũ Ngọc V đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm nợ vay số 170/08/TC.S*ĐN ngày 09 tháng 5 năm 2008 để thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất trong tương lai thửa đất số 253, tờ bản đồ số 6, phường L, thị xã Q (nay là thành phố Q) thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Vũ Ngọc V và bà Trịnh Thị H1. Ông V thừa nhận chữ ký của bà H1 trong hợp đồng thế chấp là do ông ký thay và ông V đi chứng thực tại UBND phường L mà không có mặt của đại diện Ngân hàng cũng như bà H1.

Như vậy, ông V tự ý giả chữ ký của bà H1 định đoạt tài sản chung của vợ chồng. Bà H1 không biết, không ủy quyền và cũng không đồng ý thế chấp nên vi phạm khoản 3 Điều 28 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Hợp đồng thế chấp nêu trên do ông V mang đến UBND phường L chứng thực không có mặt của đại diện ngân hàng (người nhận thế chấp), bà H1 (người thế chấp) là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định 79/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2007 về cấp sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký nên vô hiệu toàn bộ.

Do đó, bản án sơ thẩm hủy đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 09 tháng 5 năm 2008 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Q đối với thửa đất số 253, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Ngân hàng phải hoàn trả lại cho vợ chồng ông Vũ Ngọc V và bà Trịnh Thị H1 giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất nói trên là có cơ sở.

Hậu quả của hợp đồng thế chấp vô hiệu là không có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng không phải là tổn thất vật chất thực tế theo quy định tại khoản 2 Điều 307 Bộ luật dân sự 2005. Do đó, không có cơ sở để giải quyết hậu quả của hợp đồng thế chấp vô hiệu là buộc Ngân hàng TMCP S, ông V và UBND phường L liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại phát sinh từ Hợp đồng thế chấp vô hiệu. Tòa án cấp sơ thẩm xác định tiền lãi là thiệt hại phát sinh từ hợp đồng thế chấp vô hiệu để buộc Ngân hàng và ông V phải chịu là không đúng nên Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại phần này, không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với khoản tiền lãi 6.407.250.000 đồng.

Hợp đồng thế chấp vô hiệu toàn bộ dẫn đến khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 234/08/S*ĐN/HĐTD ngày 02 tháng 5 năm 2008 trở thành khoản vay không có tài sản bảo đảm. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định xử lý phần tài sản của ông V trong khối tài sản chung của ông V và bà H1 để thu hồi nợ cho ngân hàng khi ông V không tự nguyện thanh toán số tiền nợ là không có căn cứ. Tòa án cấp phúc thẩm bỏ phần này.

[3] Việc Công ty cổ phần HP yêu cầu ngân hàng trả lại 203.700.000 đồng mà Ngân hàng đã thu của Công ty trả lãi vay cho ông V và không đồng ý thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, thấy rằng: Tại bản “Cam kết bảo lãnh”, Công ty cổ phần HP tự nguyện ủy quyền cho ngân hàng, tự động trích từ tài khoản của công ty để trả nợ vay (bao gồm cả nợ gốc và lãi) nếu ông V không trả được nên việc Ngân hàng trích từ tài khoản của Công ty cổ phần HP số tiền nêu trên để thanh toán lãi là đúng với thỏa thuận giữa các bên. Ngoài ra, Công ty cổ phần HP không có yêu cầu độc lập nên không có căn cứ để buộc Ngân hàng trả lại công ty cổ phần HP số tiền 203.700.000 đồng.

[4] Từ những chứng cứ đã được phân tích trên, Hội đồng xét xử Tòa án cấp phúc thẩm thấy: Việc đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại là không cần thiết nên không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP S và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty cổ

phần HP; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn – ông Vũ Ngọc V và một phần kháng nghị số 899/KNPT-KDTM ngày 04 tháng 10 năm 2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, sửa bản án sơ thẩm.

Do bản án sơ thẩm bị cải sửa nên phần án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm được tính lại cho đúng quy định của pháp luật.

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn – Ngân hàng TMCP S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty cổ phần HP phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm; yêu cầu kháng cáo của bị đơn – ông Vũ Ngọc V được chấp nhận một phần nên ông V không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Phần chi phí giám định không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308; Điều 309 BLTTDS năm 2015:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần HP.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Vũ Ngọc V và một phần Kháng nghị số 899/KNPT-KDTM ngày 04 tháng 10 năm 2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 5, điểm g khoản 4 Điều 189, điểm d khoản 1 Điều 192, Điều 30, Điều 37, Điều 147, khoản 2 Điều 201, Điều 227 BLTTDS năm 2015; các Điều 122,124, 127, 128, 137, khoản 2 Điều 307; các Điều 342, 343, 361, 410, 471, 474, 715, 716 BLDS năm 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố Hợp đồng tín dụng số 234/08/S*ĐN/HĐTD ngày 02 tháng 5 năm 2008 và Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm nợ vay số 170/08/TC-S*ĐN ngày 09 tháng 5 năm 2008 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với ông Vũ Ngọc V và bà Trịnh Thị H1 vô hiệu.

2. Hủy đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 09 tháng 5 năm 2008 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Q đối với

thửa đất số 253, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại phường L, thị xã Q (nay là thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi. Ngân hàng TMCP S phải hoàn trả cho vợ chồng ông Vũ Ngọc V và bà Trịnh Thị H1 Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 253, tờ bản đồ số 6, phường L, thị xã Q (nay là thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi có số phát hành Đ956453, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01027 ngày 29 tháng 6 năm 2004 của UBND thị xã Q (nay là thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi.

3. Buộc ông Vũ Ngọc V phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng).

Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với khoản tiền lãi 6.407.250.000 đồng (sáu tỷ, bốn trăm lẻ bảy triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Trong trường hợp ông Vũ Ngọc V không trả đủ tiền cho Ngân hàng TMCP S trong quá trình thi hành án thì Công ty cổ phần HP phải chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng theo cam kết bảo lãnh của mình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 357 BLDS năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Ông Vũ Ngọc V phải chịu 92.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Vũ Ngọc V 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo tại biên lai thu tiền số 0002952 ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi nhưng được trừ vào tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ông V còn phải nộp tiếp số tiền 91.800.000 đồng.

Ngân hàng TMCP S phải chịu 114.407.250 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 200.000 đồng phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.336.000 đồng tại các biên lai thu tiền số 00453 ngày 16 tháng 11 năm 2010 và số 0002945 ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Ngân hàng TMCP S còn phải nộp tiếp số tiền 58.071.250 đồng.

Công ty cổ phần HP phải chịu 200.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Được trừ 200.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002953 ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

5. Phần quyết định của bản án sơ thẩm về phân chi phí giám định không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm

